

Bản án số: 942/2022/HS-PT

Ngày: 31/10/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N  
TÒA ÁN NHÂN D THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Thành.

*Các Thẩm phán:* Ông Mai Văn Quang.

Ông Nguyễn Đăng Phong.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Tiệp Anh, Thư ký Tòa án nhân D thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân D thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Trương Đức Long, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân D thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 674/2022/TLPT-HS ngày 03 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo **Nguyễn Thị L** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” do có kháng cáo của Bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 36/HS-ST ngày 21 tháng 07 năm 2022 của Tòa án nhân D huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

**Bị cáo kháng cáo:**

**Nguyễn Thị L**(Tên gọi khác Thanh), sinh năm 19XX; Giới tính: Nữ.

NĐKHKT: Thôn Quảng Nguyên, xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt N; D tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Bá T (Đã chết) và con bà Nguyễn Thị Nh; Có chồng: Trần Công D (Đã ly hôn); Có 02 con; Con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/3/2022 đến ngày 18/4/2022.

Thay thế Biện pháp ngăn chặn ngày 18/04/2022. Có mặt.

**\* Bị hại:**

1. Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1959.
  2. Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1976.
- \* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1988.
2. Chị **Nguyễn Thị Minh Th**, sinh năm 1989.
3. Anh **Đỗ Văn Mới**, sinh năm 1979.
4. Anh **Nghiêm Văn Tho**, sinh năm 1978.

Tòa không triệu tập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bị cáo **Nguyễn Thị Llà** giáo viên mầm non làm hợp đồng tại Trường mầm non xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội từ năm 1997 đến năm 2010 thì nghỉ việc. Năm 2016 bị cáo L tự giới thiệu với nhiều người là mình có khả năng xin việc vào Công chức Nhà nước ở nhiều nơi, nhiều vị trí. Khoảng tháng 6 năm 2016, anh Nguyễn Văn Đ hẹn gặp bị cáo L tại quán nước gần Ủy ban nhân D xã Hồng Minh để trao đổi cụ thể vấn đề xin việc. Tại đây, anh Đ đặt vấn đề xin việc cho các cháu của mình là Nguyễn Thị Minh Th, sinh năm 1989, ở thôn Trung Lập, xã Tri Trung, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội và anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1988, ở thôn Viên Hoàng, xã Hoàng Long, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội vào Công chức Nhà nước thì bị cáo L đồng ý và hứa hẹn sẽ xin cho N vào vị trí Công chức tại Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện Thường Tín với giá 320.000.000 đồng; Xin cho chị Th vào vị trí Viên chức giáo viên tại huyện Gia lâm, thành phố Hà Nội với giá 220.000.000 đồng. Sau khi trao đổi với bị cáo L, anh Đ liên hệ với chị Th và ông Nguyễn Văn H (Bố đẻ anh Nguyễn Văn N) chuẩn bị hồ sơ và tiền để đưa cho bị cáo L xin việc, cụ thể như sau:

**Lần thứ nhất:** Ngày 09/6/2016, tại quán nước gần chợ Đồng Vàng, xã Hoàng Long, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, anh Đ và ông H đưa cho bị cáo L 50.000.000 đồng và 01 bộ hồ sơ xin việc mang tên Nguyễn Văn N. Sau khi nhận tiền, bị cáo L viết giấy biên nhận với nội dung “*Tên tôi là Nguyễn Thị Thanh,*

địa chỉ: Ứng Hòa, Hà Nội, CMT 111377952, CAHN cấp ngày 18/01/2014. Hôm nay ngày 09/6/2016, tôi nhận số tiền 50.000 (Năm mươi triệu đồng của anh: Nguyễn Văn H, Đ/c: Viên Hoàng- Hoàng Long- Phú Xuyên – Hà Nội để lo việc” và ký tên Nguyễn Thị Thanh ở phần cuối giấy biên nhận.

**Lần thứ hai:** Ngày 11/6/2016, tại quán nước gần ngã 3 Quán Tròn thuộc thôn Quảng Nguyên, xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội, anh Đ giao cho bị cáo L140.000.000 đồng; Trong đó có 120.000.000 đồng của ông H và 20.000.000 đồng của chị Th đưa cho anh Đ và 01 bộ hồ sơ xin việc của Nguyễn Thị Minh Th. Sau khi nhận tiền, bị cáo Lviết 02 giấy biên nhận; Giấy thứ nhất có nội dung là tổng hợp 02 lần nhận tiền từ ông H: “Hôm nay ngày 11/6/2016. Tôi Nguyễn Thị Thanh, địa chỉ Ứng Hòa- Hà Nội, CMT: 111377952 có nhận của H, Đ/c Viên Hoàng- Hoàng Long- Phú Xuyên 165.000.000 (Một trăm sáu mươi triệu đồng) công việc của cháu N (UBND huyện Thường Tín), tại phần đầu trên giấy biên nhận có viết tổng số 170.000.000 đ; Giấy thứ 2 có nội dung “Hôm nay ngày 11/6/2016. Tôi là Nguyễn Thị Thanh, Đ/c: Ứng Hòa-Hà Nội, CMT 111377952 có nhận của Ng` T. Minh Th hồ sơ + 20.000.000 đồng, giáo viên Gia Lâm” và ký Nguyễn Thị Thanh ở phần cuối các giấy biên nhận.

**Lần thứ ba:** Ngày 28/7/2016, tại ngõ 217, đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, anh Đ đưa số tiền 80.000.000 đồng, Lviết giấy biên nhận với nội dung “Hôm nay ngày 28/7/2016 tôi Nguyễn Thị Thanh : Ứng Hòa-Hà Nội nhận của A. Đ số tiền là 80.000.000 đ (Tám mươi triệu đồng chẵn)” và ký tên ở phần cuối giấy biên nhận.

Sau một thời gian không thấy bị cáo Lbố trí cho anh N, chị Th đi làm như đã thỏa thuận, anh Đ, ông H đã nhiều lần đến gặp bị cáo Lđể đòi lại tiền, nhưng bị cáo Lkhông trả và T tục hứa hẹn nếu không xin được việc làm sẽ trả lại tiền. Sau nhiều lần đòi tiền, ngày 25/4/2017, bị cáo Lbáo Đàm Công Hồ, sinh năm 1974, ở thôn Xuân Dục, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội gửi 10.000.000 đồng cho anh Đ (Hồ đến Ngân hàng Agribank chi nhánh Hùng Vương nộp tiền vào tài khoản 22130506885 đứng tên Nguyễn Đức Trình, sinh năm 1976,

ở thôn Trung Lập, xã Tri Trung, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội (Là bạn của anh Đ), sau đó anh Trình chuyển lại cho anh Đ) anh Đ chuyển lại cho chị Th.

Khoảng tháng 3/2019, bị cáo L gửi xe bus 30.000.000 đồng trả lại cho anh Đ, anh Đ liên hệ với anh N trực T nhận số tiền trên. Sau đó bị cáo L bỏ trốn khỏi địa phương.

Ngày 04/3/2022, bị cáo Nguyễn Thị L đến Cơ quan Công an huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

**Tại Kết luận** giám định số: 3088/KLGD – PC09 (Đ4) ngày 23/5/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội Kết luận: Người có mẫu chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Thị L (Ng~ Thị Lùng) trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M1 đến M3) **viết và ký ra** chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Thanh (Ng~ Thị Thanh, Ng~ T. Thanh) trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ A1 đến A3 và A5); Chữ viết, chữ ký dạng viết tên “Thanh” trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A4); Chữ viết bằng mực màu đen có nội dung: “Tôi xác nhận nội dung trên là đúng ...và giải quyết trả tiền” và chữ ký, chữ viết dòng họ tên “Ng~ Thị Thanh” dưới chữ ký trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A6).

**Tại Kết luận** giám định số: 5039/KLGD – PC09 (Đ4) ngày 08/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình Công an thành phố Hà Nội Kết luận: Chữ viết phần nội; Chữ ký dạng viết tên “Thanh”, chữ viết dòng họ tên “Nguyễn Thị Thanh” dưới chữ ký trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A) với chữ viết đứng tên Nguyễn Thị L (Ng~ Thị Lùng) trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M1 đến M3) **là chữ do cùng một người viết ra.**

Sau khi sự việc xảy ra: Trước khi bỏ trốn bị cáo L đã trả lại cho anh Đ 40.000.000 đồng (Anh Đ trả 10.000.000 đồng cho chị Th và 30.000.000 đồng cho ông H). Ngày 07/01/2022, bị cáo L nhờ anh Đỗ Văn Mới, sinh năm 1979, ở thôn Quảng Nguyên, xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội chuyển 115.000.000 đồng cho ông H và chị Th; Ngày 05/3/2022, bị cáo L nhờ anh Mới nộp 115.000.000 đồng cho Công an huyện Phú Xuyên để Công an huyện Phú Xuyên trả cho ông H, chị Th.

**Tại bản Cáo** trạng số: 32/CT - VKS ngày 17/6/2022 của VKSND huyện Phú Xuyên đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị L về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

**Tại Bản** án hình sự sơ thẩm số: 36/2022/HS-ST ngày 21/07/2022 của Tòa án nhân D huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội đã Quyết định:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thị L** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, Điều 38; Các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị L** 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, **được trừ 45 (Bốn mươi lăm) ngày tạm giữ, tạm giam.**

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

**Sau khi xét** xử sơ thẩm: Ngày 25/07/2022 bị cáo **Nguyễn Thị L** có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt và được H án treo.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:** Bị cáo **Nguyễn Thị L** rút phần yêu cầu kháng cáo xin được H án treo.

Bị cáo **Nguyễn Thị L** không có ý kiến gì về tội danh và điều luật đã áp dụng mà chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm.

**Đại diện Viện kiểm** sát nhân D thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án.

**Về hình thức:** Bị cáo **Nguyễn Thị L** kháng cáo trong thời hạn Luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận giải quyết yêu cầu kháng cáo của Bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

**Về nội dung:** Viện kiểm sát nhân D thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Thị L** mặc dù trước khi xét xử sơ thẩm bị cáo L đã khắc phục toàn bộ hậu quả, các Bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, bố Bị cáo có công với cách mạng nhưng đã được Tòa án nhân D huyện Phú Xuyên áp dụng cho bị cáo Nguyễn Thị Lùng. Tại phiên tòa phúc thẩm

không có tình tiết mới nào khác. Nên không có cơ sở để giảm T hình phạt, bị cáo **Nguyễn Thị L** rút yêu cầu xin được H án treo tại phần bắt đầu phiên tòa nên không xem xét. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm khi áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo L.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**1. Về hình thức:** Đơn kháng cáo của Bị cáo nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ, nên được chấp nhận xem xét giải quyết yêu cầu kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm, được quy định tại các điều 331,332,333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

#### **2. Xét nội dung kháng cáo:**

Căn cứ lời khai của bị cáo **Nguyễn Thị L** tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến cuối tháng 7 năm 2016 bị cáo **Nguyễn Thị L** đã lừa đảo anh Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Văn H tổng số tiền 270.000.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi triệu đồng*), với lý do bị cáo L có khả năng xin việc cho chị **Nguyễn Thị Minh Th** đi làm Giáo viên ở huyện Gia Lâm và anh Nguyễn Văn N đi làm Công chức ở Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện Thường Tín. Tuy nhiên sau khi nhận được tiền của anh Đ, ông H rồi bỏ trốn khỏi địa phương. Sau đó bị cáo L đã ra đầu thú, tự mình và nhờ người thân của mình trả lại số tiền đã chiếm đoạt của anh Đ và ông H. Bị cáo không có nghề nghiệp gì, cũng như không có khả năng xin việc làm, nhưng bị cáo L đã lợi dụng lòng tin trong quan hệ giữa Bị cáo với anh Đ, ông H mong muốn người thân trong gia đình mới ra trường có công ăn việc làm ổn định, nên bị cáo L đã dùng thủ đoạn gian dối, tung thông tin mình có thể xin được việc làm cho chị Th, anh N, nên anh Đ, ông H đã dễ dàng tin tưởng và giao tiền cho bị cáo L mà không nghi ngờ gì. Tài sản mà bị cáo L đã chiếm đoạt của anh Đ, ông H có giá trị trên 200.000.000

đồng, vậy, Viện kiểm sát nhân D huyện Phú Xuyên truy tố bị cáo L về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo **Nguyễn Thị L** có căn cứ và đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo **L** là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn Đ, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo là người nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, muốn có tiền tiêu sài. Bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy cần phải có biện pháp xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo **Nguyễn Thị L**. Bị cáo **L** không có tình tiết tăng nặng.

Khi Quyết định hình phạt Tòa cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; Căn cứ nhân thân người phạm tội, Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm Bị cáo thực sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, Đã khắc phục toàn bộ số tiền cho các Bị hại. Các Bị hại có đơn xin giảm hình phạt, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, có bố là ông Nguyễn Bá T được Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền N Việt N tặng Huy chương chiến sĩ giải phóng là các tình tiết quy định tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cần giảm nhẹ T một phần hình phạt cho bị cáo **L**, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật. Tòa cấp sơ thẩm xét xử Bị cáo là đúng người, đúng tội nhưng có phần nghiêm khắc chưa thực sự phù hợp với bản chất của vụ án. Hội đồng xét xử chấp nhận việc xin giảm hình phạt của bị cáo **Nguyễn Thị L**.

Bị cáo **Nguyễn Thị L** rút phần yêu cầu kháng cáo xin được H án treo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**Tòa án cấp** sơ thẩm cần thận trọng, rút kinh nghiệm khi áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị L trong vụ án này.

3. **Về án phí:** Bị cáo **L** không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**Vì lẽ trên;**

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 355, Điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

I. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Thị Lùng**.

II. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2022/HS-ST ngày 21/07/2022 của Tòa án nhân D huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, về Quyết định hình phạt.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thị L**phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; Các điểm b,s khoản 1,2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

**Xử phạt** bị cáo: **Nguyễn Thị L**24 (Hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 04/3/2022 đến ngày 18/4/2022).

**Về trách** nhiệm D sự: Đã xong.

III. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo **Nguyễn Thị L**không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

IV. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

V. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 31/10/2022.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA



Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an huyện Phú Xuyên;
- VKSND huyện Phú Xuyên;
- TAND huyện Phú Xuyên;
- Chi cục Thi hành án D sự huyện Phú Xuyên;
- UBND xã Phú Cầu, huyện Ứng Hòa;
- Bị hại; Bị cáo; Lưu HS, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**HOÀNG VĂN THÀNH**



**Nơi nhận:**

- VKSND TP. Hà Nội;
- Công an quận Hoàn Kiếm;
- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- TAND quận Hoàn Kiếm;
- Chi cục Thi hành án D sự  
quận Hoàn Kiếm;
- UBND phường Khương Đình,  
quận Thanh Xuân..
- Bị hại.
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Văn Thành**